

Bản án số: 03/2024/DS-PT

Ngày 26-1-2024

V/v đòi quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Anh Luyện.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Cường;

Bà Đỗ Thị Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về “Đòi quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Chính C, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Thôn B, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Dương Chính L, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn B, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Dương Chính C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương Chính C trình bày: ông Dương Chính C và ông Dương Chính L là anh em họ có một người chú là ông Dương Đức K. Thời gian năm 2008, 2009 ông K đã già yếu và chỉ ở một mình nên được gia đình ông C thường xuyên chăm sóc và trông coi nhà cửa. Sau đó đến năm 2010, ông Dương Chính L có đến nhà ông Công bàn bạc để cho ông L là người trực tiếp chăm sóc ông K. Gia đình ông C nhất trí. Đến ngày 02/10/2010 ông L đến gặp ông C để bàn về việc viết di chúc của ông K, nếu ông K chết thì toàn bộ tài sản của ông K sẽ giao cho ông L quản lý, sử dụng và sau đó ông L sẽ chia 40% diện tích đất ông K để lại cho ông C. Do vậy, ông C đã ký vào Bản di chúc với tư cách là người được biết (người làm chứng). Ngoài ông C làm chứng còn có xác nhận của trưởng thôn B năm 2010 là ông Nguyễn Minh C, xác nhận của cán bộ thị trấn T gồm ông Hà Hữu Q, Lệnh Thê V và chủ tịch thị trấn T ông Nguyễn Minh Q. Ông công bố rằng ông đã làm chứng cho ông L về bản di chúc nên ông L phải thực hiện lời hứa chia một phần

đất cho ông C. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Dương Chính C giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu ông Dương Chính L phải chia cho ông C 40% diện tích đất trên tổng số 152m² đất ông Dương Đức K để lại.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Dương Chính L trình bày: Ông nhận chăm sóc ông Dương Đức K từ đầu năm 2010, trong thời gian chăm sóc ông K, ông K có viết di chúc để lại toàn bộ tài sản của ông K cho ông L quản lý, sử dụng. Việc ông K có di chúc để lại tài sản cho ông L có ông Dương Chính C, trưởng thôn B năm 2010 là ông Nguyễn Minh C, cán bộ thị trấn T gồm ông Hà Hữu Q, Lệnh Thế V và chủ tịch thị trấn T ông Nguyễn Minh Q được biết và xác nhận di chúc. Sau khi ông Dương Đức K chết, ông L là người đang quản lý toàn bộ tài sản (đất đai, nhà) của ông K để lại. Việc ông C nói ông L đã thỏa thuận sau khi ông K chết, ông L sẽ chia cho ông C 40% diện tích đất của ông K để lại là không đúng. Ông L không có bất cứ thỏa thuận nào với ông L. Việc ông C nói có thỏa thuận chia đất là tự ông C nghĩ ra để tranh đất của ông L. Ông L không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại Bản án số 04/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Q quyết định:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 502, Điều 624, Điều 626, Điều 627, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 632, Điều 634, Điều 635 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai; khoản 1, 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Chính C.

2. Bản Di Chúc của ông Dương Đức K đề ngày 02/10/2010 là hợp pháp.

3. Về án phí: Ông Dương Chính C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông C đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Biên lai thu số 51BB -21P0004514 ngày 14/4/2022.

Ngày 11/10/2023 ông Dương Chính C có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí bản án sơ thẩm đã tuyên và ông C đòi ông L phải trả cho ông C sử dụng 60,8 m² đất ở có chiều dài 20m, rộng 3m trong diện tích 152 m² mang tên ông Dương Đức K theo lời hứa thỏa thuận miệng giữa ông C và ông L.

TAND tỉnh xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đủ tài liệu chứng cứ do vậy cấp phúc thẩm ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 04/2023/QĐ – UTТА, ngày 09/11/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang cho TAND huyện Q.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/12/2023 xác định diện tích đất đang có tranh chấp tại thửa số 2, tờ bản đồ số 44, tổng diện tích 498,0 m² nằm trong GCNQSD đất số SK 009077 do Ủy ban nhân dân huyện Quản Bạ cấp cho hộ ông Dương Đức K ngày 14/12/2006 có địa chỉ tại thôn B, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có các vị trí giáp ranh cụ thể: Phía Đông giáp đất đường đi vào ruộng, đất ông Chom; phía Tây giáp đất ruộng; phía Nam giáp đất ông Sơn; phía Bắc giáp đường bê tông dân sinh. Về đất xác định có 02 thửa (thửa số 01 là đất trồng lúa (LUK) có diện tích 346 m²; thửa số 2 có diện tích đất ở (ODT) là 152,0 m²) có sơ đồ kèm theo. Về tài sản trên đất: 01 ngôi nhà xây cấp IV gác

xếp bằng gỗ, nhà xây dựng năm 2010, mái lợp proximang, tường 10 cm. Tổng diện tích nhà 40,29 m²; 01 bếp xây dựng năm 2009, mái lợp proximang tổng diện tích 38,64 m²; 01 Chuồng trại xây dựng năm 2010 tổng diện tích 15,64 m². Trên đất không có cây trổi, hoa màu.

Kết quả định giá tài sản ngày 29/12/2023. Căn cứ Quyết định số 28/2019/QĐ - UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Hà Giang. Đất thổ cư (ODT) diện tích 152 m² x 367.000đ = 55.784.000đ. Đất trồng lúa nước (LUK) diện tích 346 m² x 55.000đ = 19.030.000đ. Tổng giá trị đất ở (ODT) 152 m² + đất trồng lúa (LUK) 346 m² là 74.814.000đ (*Bảy mươi bốn triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng*).

Giá trị tài sản trên đất căn cứ theo Quyết định số 16/2019/QĐ - UBND ngày 26/6/2019 Ban hành mức bồi thường thiệt hại tài sản nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất và di chuyển mô tả khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Về tài sản trên đất:

01 ngôi nhà xây cấp IV gác xếp bằng gỗ, nhà xây dựng năm 2010, mái lợp proximang, tường 10 cm, diện tích nhà 40,29 m² x 1.976.000đ = 79.613.000đ; diện tích sàn gác xếp nhà 34,45 m² x 110.000đ = 3.789.500đ;

01 bếp mái lợp proximang tổng xây dựng năm 2009 diện tích 38,64 m² x 1.976.000đ = 76.352.640đ;

01 Chuồng trại xây dựng năm 2010 tổng diện tích 15,64 m² x 912.000đ = 14.263.680đ.

Tổng giá trị tài sản là 177.709.360đ (*Một trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm linh chín nghìn, ba trăm sáu mươi đồng*)

Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất là 252.532.360đ (*Hai trăm năm mươi hai triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi đồng*).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Dương Chính L phải giữ lời hứa chia cho ông C 40% diện tích đất của 152 m² (là 60,8 m²) nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 778, tờ bản đồ 44 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Văn K số AK 009077 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 14/12/2006.

Bị đơn ông Dương Chính L vắng mặt tại phiên tòa trong đơn xin xét xử vắng mặt ông L trình bày giữ nguyên quan điểm không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông L khẳng định không có bất cứ thỏa thuận nào giữa ông L và ông C, do vậy đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 106 Luật đất đai năm 2003, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 167 Luật đất đai năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2018; các Điều 624, 626, 627, 628, 630, 631, 630, 634 và 635 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1, Điều 5, các Điều 148, khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật TTDS năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày

30/12/2016 của UBND Quốc Hội. Đề nghị HĐXX sửa một phần Bản án số 04/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của TAND huyện Q theo hướng:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Chính C về yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Chính L chia cho ông 40% của 152m² đất tại thửa số 778, tờ bản đồ số 44 trong Giấy CNQSD đất số AK 009077 do UBND huyện Q cấp cho ông Dương Đức K ngày 14/12/2006, địa chỉ thôn B, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Án phí DSST: ông Dương Chính C phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật

- Về chi phí tố tụng: ông Dương Chính C phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản theo quy định của pháp luật, ông đã thi hành xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Chính C trong thời hạn luật định quy định tại Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của ông Dương Văn C và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Dương Văn L phải trả lại 40% diện tích đất ở có trong diện tích 152m² của ông Dương Văn K để lại như vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn ông Dương Văn C và bị đơn ông Dương Văn L là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là chưa chính xác mà phải xác định quan hệ tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Chính C không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ông Công yêu cầu đòi ông L trả lại 40% diện tích đất như đã hứa sau khi ông K chết, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Tại giai đoạn phúc thẩm, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đủ tài liệu chứng cứ do vậy cấp phúc thẩm ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 04/2023/QĐ – UTTA, ngày 09/11/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

[5] Tại biên bản lấy lời khai đối với ông Dương Chính C đề ngày 21/11/2023, ông C trình bày nội dung yêu cầu khởi kiện ông Công là đòi ông L trả lại 40% diện tích đất nằm trong 152 m² (là 60,8 m²) nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 778, tờ bản đồ 44 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Văn K số AK 009077 do Ủy ban nhân dân huyện Quản Bạ cấp ngày 14/12/2006. Mục đích đòi lại đất để tăng gia sản xuất. Vì giữa

ông L và ông C có việc hứa hẹn bằng miệng ông L chia 40% diện tích đất trong diện tích đất 152 m² của ông K để lại, nhưng không có giấy tờ tài liệu gì để chứng minh.

[6] Tiến hành lấy lời khai bổ sung đối với ông Dương Chính L. Ông L trình bày: Ông Long chăm sóc ông K từ năm 2010, khi đó nhà của ông K hư hỏng hết, đất đai không có ai canh tác nên ông L là người trực tiếp canh tác trên đất của ông K. Trong thời gian chăm sóc ông K, ông K có viết di chúc ngày 02/10/2010 để lại toàn bộ tài sản cho ông L quản lý sử dụng. Đến năm 2012 ông K chết, ông L là người đứng ra làm ma theo phong tục địa phương. Việc ông C khởi kiện ông L đòi trả lại 40% diện tích đất của ông K để lại là không đúng, vì di chúc ông K để lại không có tên ông C, ông C không có công sức đóng góp gì đối với tài sản của ông K.

[7] Tại giai đoạn phúc thẩm đã thu thập các tài liệu chứng cứ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Dương Đức K; trích lục khai tử của ông K; Hồ sơ cấp GCNQSD đất số AK 009077 mang tên hộ ông Dương Đức K do UBND huyện Q cấp ngày 14/12/2006 gồm có: Đơn xin cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Sổ mục kê đất đai thửa đất số 777, 778, tờ bản đồ địa chính số 44, được thể hiện tại quyển số 02 trang 197; Sổ cấp Giấy chứng nhận được thể hiện tại quyển số 01 trang số 112. Sổ địa chính được thể hiện tại quyển số D-7, trang số 70. Xét thấy tài liệu chứng cứ chứng minh việc cấp GCQNSD đất cho ông Dương Đức K là hợp pháp, chưa đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo di chúc lập ngày 02/10/2010.

[8] Kết quả lồng ghép theo công văn số 35/CV- CNHQB ngày 16/01/2024 căn cứ biên bản thẩm định tại chỗ ngày 29/12/2023 tại thửa 777, 778, tờ bản đồ địa chính số 44, thị trấn T là hoàn toàn trùng khớp với bản đồ địa chính và sơ đồ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AK 009077 do UBND huyện Quản Bạ cấp ngày 14/12/2006 cho hộ ông Dương Đức K

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông C cho rằng có việc thỏa thuận giữa ông C và ông L về việc ông L chia 40% (là 60,8 m²) trong diện tích đất của thửa đất ở 152 m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 778, tờ bản đồ 44 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Văn K số AK 009077 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 14/12/2006, ông C có thỏa thuận bằng miệng với ông L. Nhưng nguyên đơn ông C không đưa được chứng cứ nào khác ngoài việc chỉ ông Triệu Long S nghe thấy ông Công và ông Long thỏa thuận bằng lời nói nội dung trên. Hội đồng xét xử nhận thấy không đủ cơ sở để chứng minh có việc thỏa thuận, giao dịch dân sự bằng lời nói giữa ông C và ông L.

[10] Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn C là có căn cứ, đúng pháp luật.

[11] Từ nhận định trên, xét thấy kháng cáo của ông C là không có căn cứ để chấp nhận.

[12] Bà Hoàng Thị O là vợ ông Dương Văn L là người cùng trực tiếp quản lý và sử dụng khu vực đất đang có tranh chấp. Nhưng tại biên bản lấy lời khai đề ngày 12/12/2023 bà O có trình bày việc ông K cho đất ông L theo di chúc, hiện nay gia đình chưa đăng ký biến động sang tên vợ chồng ông L bà O, nên bà O

xác định chỉ để ông L tham ra giải quyết tranh chấp đất với ông C, bà O từ chối không tham gia vào vụ án tranh chấp đất đai. Đề nghị được vắng mặt tại tất cả buổi làm việc tại Tòa án.

[13] Ngoài ra Toà cấp sơ thẩm còn công nhận bản di chúc của ông Dương Đức K lập ngày 02/10/2010 là hợp pháp. Xét thấy cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông C chỉ tranh chấp với ông Long 40% diện tích đất của 152 m² (là 60,8 m² loại đất ở) nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 778, tờ bản đồ 44 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Văn K ở AK 009077 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 14/12/2006 theo thoả thuận miệng. Phía bị đơn ông L cũng không có yêu cầu Tòa án công nhận bản di chúc có hợp pháp hay không. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[14] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên toà là có căn cứ.

[15] Về án phí: Ông Dương Chính C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm Ông Dương Chính C phải chịu 1.115.680đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (40% của 152m² đất thổ cư) là 22.313.600 đồng x 5%, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 51BB - 21P0004514 ngày 14/4/2022.

[16] Về chi phí tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Q tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với diện tích đất đang có tranh chấp, nguyên đơn ông Dương Chính C đã nộp tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc. Do yêu cầu khởi kiện của ông C không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản theo quy định.

[17] Từ nhận định nêu trên HĐXX phúc thẩm xét thấy cần sửa một phần bản án sơ thẩm cho đúng với các tình tiết khách quan của vụ án.

[18] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 309 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Chính C. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 100; khoản 5 Điều 166; Điều 170; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 148. khoản 1 Điều 157, Điều 272, Điều 273 của BLTTDS ;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Xử bác yêu cầu khởi kiện của Dương Chính C về việc buộc ông Dương Chính L phải trả lại diện tích 60,8 m²; đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 009077, thửa số 778, tờ bản đồ 44, diện tích của 152 m² do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 14/12/2006 mang tên ông Dương Văn K (có sơ đồ kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Dương Chính C phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc 5.100.000đ (*Năm triệu một trăm nghìn đồng*), (ông Công đã nộp xong).

3. Về án phí: Ông Dương Chính C phải chịu 1.115.680đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 51BB - 21P0004514 ngày 14/4/2022.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Chính C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho ông C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 0004619 ngày 11/10/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện Q. Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Q. HG
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Anh Luyện